TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số:121/2024/HNGĐ-ST Ngày: 30-9-2024 V/v "Ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Thu Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Phương

2. Ông Lê Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vương Triều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 539/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024 về việc "Ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1963; địa chỉ: 2 khu phố T, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1960; địa chỉ: 2 khu phố T, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:

Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Lê Văn Đ tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới từ những năm 1979-1980 nhưng đến năm 2012 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 20, cấp ngày 15/3/2012.

Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian gần 4 năm nay vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, ông Đ và bà L không còn sống chung. Bà L và ông Đ đã ly thân, ông sống một nơi, bà sống một nơi, không ai còn quan tâm đến ai. Nay bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết để ông được ly hôn với Lê Văn Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1980, Lê Văn N, sinh năm 1982, Lê Hoàng T1, sinh năm 1985 và Lê Quang B, sinh năm 1991 các con đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/9/2024 ông Lê Văn Đ trình bày: Ông và bà Liên kết H trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2012 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V. Vợ chồng chung sống cùng nhau cũng bình thường. Tuy nhiên, do công việc phải trông quán cho con nên cứ sáng bà L trông quán cho con thì ông về nhà, tối bà L về nhà thì ông trông quán cho con, ông cũng có đi chơi cùng bạn bè nhưng do bà L có tính hay ghen nên nộp đơn ly hôn. Ông cảm thấy vợ chồng không mâu thuẫn gì lớn nên không thể chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

Ngày 17/9/2024 bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Lê Văn Đ có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Về phần thủ tục Kiểm sát viên không có kiến nghị khắc phục gì thêm.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Lê Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố T. Nay bà L có đơn xin ly hôn với ông Đ. Như vậy, quan hệ pháp luật là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự .

[2] Các vấn đề có tranh chấp: Ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc L là vợ chồng, sống chung có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân V, thành phố T theo giấy chứng nhận kết hôn số 20, cấp ngày 15/3/2012 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà L cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, ông Đ có quan hệ qua lại với người phụ nữ khác, mang ra giới thiệu cùng bạn bè. Vợ chồng ly thân, bà L và ông Đ không còn sống chung, mạnh ai người đó sống. Bà L có nguyện vọng được ly hôn cùng ông Đ. Ông Đ không đồng ý ly hôn và cho rằng bà L có tính hay ghen, việc ông qua lại đi chơi cũng là chuyện bình thường của tuổi già. Xét, hôn nhân phải dựa trên cơ sở vợ chồng phải

yêu thương, tôn trọng và chăm sóc lẫn nhau. Lẽ ra ông Đ, bà L là những người già, có con trưởng thành nên cần phải quan tâm, chia sẽ lo lắng cho nhau ở tuổi xế chiều. Tuy nhiên, giữa ông Đ và bà L không có tiếng nói chung, vợ chồng mạnh ai nấy sống nay đã 04 năm, ông Đ và bà L không chia sẽ khó khăn hay quan tâm nhau, theo biên bản xác minh thể hiện ông Đ thường xuyên sinh sống tại nơi khác. Như vậy, trên thực tế ông Đ, bà L đã không còn chung sống, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Đ, bà L đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà L khởi kiện và cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn ông Đ là có căn cứ, đúng pháp luật theo quy định tại theo Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1980, Lê Văn N, sinh năm 1982, Lê Hoàng T1, sinh năm 1985 và Lê Quang B, sinh năm 1991 các con đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

Từ phân tích trên, xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Tòa chấp nhận.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc L phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L về việc "ly hôn " đối với bị đơn ông Lê Văn Đ.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn với ông Lê Văn Đ.

Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002628 ngày 13/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An.

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thuận An;
- CC THADS TP. Thuận An;
- Các đương sự;
- UBND phường Vĩnh Phú;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Thu Thảo